

CTY CP XK THỦY SẢN KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: 07 / 2018/ BC-CTXKTS

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 16 tháng 4 năm 2018.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU THỦY SẢN KHÁNH HÒA

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch : Công ty cổ phần xuất khẩu Thủy Sản Khánh Hòa
- Tên tiếng Anh : KHASPEXCO
- Địa chỉ : Số 50 Võ Thị Sáu, phường Vĩnh trường, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 4200235327 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 01 tháng 12 năm 2015.
- Vốn điều lệ : 14.760.000.000 đồng (Mười bốn tỷ, bảy trăm sáu mươi triệu đồng chẵn).
- Số điện thoại : (0258) 3881 161 Fax: (0258) 3881 675
- Website : www.khaspexco.vn
- Mã cổ phiếu : KSE
- Logo :



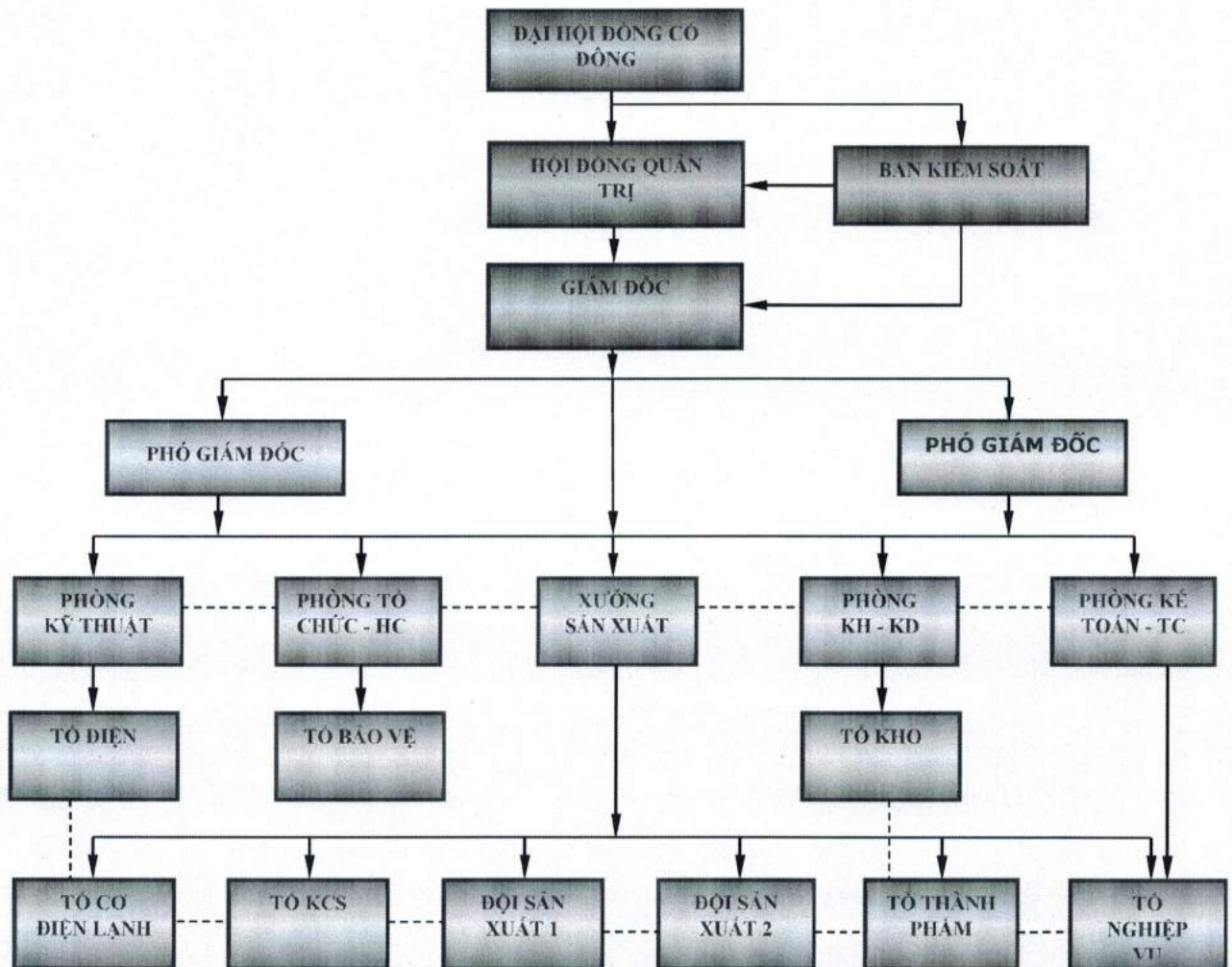
- Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty TNHH MTV Xuất khẩu Thủy sản Khánh Hòa tiền thân là một Quốc doanh chuyên về khai thác, đánh bắt hải sản của tỉnh Phú Khánh. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, trước tiềm năng to lớn về thủy sản, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Khánh đã khôi phục lại nghề cá và thành lập “Quốc doanh đánh cá Phú Khánh” vào ngày 14/05/1977. Đây là một đơn vị kinh tế chuyên đánh bắt, khai thác thủy hải sản, trực thuộc Ty Hải sản Phú Khánh, sau này là Sở Thủy sản Khánh Hòa (hiện nay là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Khánh Hòa).
- Tháng 7/1989, tỉnh Phú Khánh được chia tách thành hai tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa. Xí nghiệp Quốc doanh đánh cá Phú Khánh cũng được tách làm hai: một nửa tài sản và cán bộ công nhân viên về Phú Yên, một nửa còn lại ở Khánh Hòa và được đổi tên là Xí nghiệp Khai thác và Dịch vụ Thủy sản Khánh Hòa theo Quyết định số 108-QĐ/UB ngày 01/07/1989 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa.
- Ngày 30/01/1993 Chủ tịch UBND TỈNH Khánh Hòa ra Quyết định số 153/QĐ/UB thành lập Doanh nghiệp nhà nước: Xí nghiệp Khai Thác và Dịch Vụ Thủy Sản Khánh Hòa theo Nghị Định 338/HĐBT
- Tháng 6/2010, Xí nghiệp được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Xuất khẩu Thủy sản Khánh Hòa theo Quyết định số 1614/QĐ-UBND ngày 23/06/2010 của UBND tỉnh Khánh Hòa do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ.
- Ngày 28/7/2015, UBND tỉnh Khánh Hòa ra Quyết định số 2041/QĐ-UBND, phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Xuất Khẩu Thủy Sản Khánh Hòa thành Công ty cổ phần.
- Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200235327 ngày 01/12/2015 tại Phòng Đăng ký – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa. Số vốn điều lệ là 14.760.000.000 đồng. (Mười bốn tỷ bảy trăm sáu mươi triệu đồng).
- Ngày 03/06/2016 Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ đăng ký CTĐC theo Công văn số 3044/UBCK-GSDC.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chính: Mua bán, chế biến các mặt hàng thủy sản đông lạnh.
- Bên cạnh đó còn có gia công hàng thủy sản; kinh doanh các dịch vụ liên quan đến ngành nghề như: dịch vụ giám sát, ủy thác xuất khẩu, ...
- Địa bàn kinh doanh: thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

3. Thông tin về cơ cấu bộ máy quản lý của công ty:



4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm 2018:
 - Tổng doanh thu : 100 tỷ đồng
 - Giá trị kim ngạch xuất khẩu : 3,5 triệu USD
 - Lợi nhuận trước thuế : 1,3 tỷ đồng

- Lợi nhuận sau thuế : 1 tỷ đồng
 - Cổ tức : 5 - 7% vốn điều lệ.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
- + Do không đủ nguồn lực nên phải chấm dứt đầu tư nhà máy CBTS XK tại KCN Suối Dầu, đầu tư và bố trí lại để sử dụng cơ sở 50 VTS hiệu quả nhất. Sau khi ngừng sản xuất tại sơ sở số 10 VTS, di dời Máy móc thiết bị, bàn giao cho địa phương theo kế hoạch của Thông Báo số 336/TB-UBND của UBND Tỉnh ngày 09/06/2017, bàn giao trước ngày 30/10/2018. Lập phương án tái cơ cấu, thu hẹp sản xuất để bảo đảm hoạt động của công ty có hiệu quả.
 - + Công ty cố gắng thực hiện nhiệm vụ SXKD ổn định nhằm bảo đảm việc làm và đời sống của người lao động liên tục trong năm, thực hiện đầy đủ các chính sách theo quy định của pháp luật.

5. Các rủi ro:

- Các rủi ro cần quan tâm đối với hoạt động của công ty là
 - + Rủi ro về biến động giảm của nguồn lợi thủy sản cần cho chế biến: là rủi ro quan trọng nhất dễ gặp và đang gặp phải từ 2016 đến nay, dự kiến sẽ còn tiếp tục khó khăn phải tìm cách khắc phục.
 - + Rủi ro về giá: sản lượng nguyên liệu giảm thì giá thu mua sẽ biến động tăng gây nên tác động xấu vì giá thị trường thế giới giảm do nhiều nguyên nhân nên phải được tính toán kỹ.
 - + Rủi ro về nguồn vốn: do nguồn vốn lưu động hạn chế, công ty huy động nhiều tài sản bảo đảm thanh toán nợ đúng hạn nên được ngân hàng đáp ứng vốn kịp thời với lãi suất hợp lý. Nhưng đây cũng là rủi ro cần chú ý khi gặp phải những khó khăn nảy sinh trong hoạt động SXKD của công ty, khi cá nhân có tài sản bảo đảm có nhu cầu khác cần sử dụng sẽ thiếu hụt về vốn lưu động.
 - + Rủi ro về nguồn nhân lực: trong điều kiện cạnh tranh với thị trường, việc tăng cao mức phí đóng các loại BHXH, BHYT, BHTN so với năm 2016 đã ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả SXKD; giảm sức thu hút sẽ dẫn đến thiếu hụt lao động vào những lúc mùa vụ cao điểm, đây là khó khăn phải có hướng khắc phục như: sử dụng lao động thời vụ, nhưng có nhược điểm là không có tính ổn định.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Nguồn lợi thủy sản đánh bắt tự nhiên suy giảm nhiều từ 2016 đến nay chưa có dấu hiệu phục hồi nên nguyên liệu đầu vào 2018 dự báo sẽ còn tiếp tục khó khăn.
- Năm 2017 kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty có lãi ở mức khiêm tốn do không đảm bảo đủ được nguồn nguyên liệu đầu vào, hàng tồn kho cuối năm ở mức thấp nhất so với nhiều năm qua. Chi phí đầu vào như vật tư, điện nước phục vụ cho sản xuất kinh doanh đều tăng cao hơn năm trước.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Hội đồng quản trị:

Họ tên thành viên HDQT	Chức vụ	Xác định đến ngày 31/12/2016	
		Số lượng CP	Tỷ lệ %
Nguyễn Trọng Thắng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	109.900	7,45
	Đại diện phần vốn Nhà nước theo ủy quyền của SCIC	132.200	8,96
Nguyễn Lương Ích	Ủy viên Hội đồng quản trị	87.100	5,90
Trần Thị Tình	Ủy viên Hội đồng quản trị	87.100	5,90
Lê Xuân Sơn	Ủy viên Hội đồng quản trị	67.300	4,56
Nguyễn Đào	Ủy viên Hội đồng quản trị	46.100	3,12

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016 – 13T (1/12/2015 đến 31/12/2016)	Năm 2017 (1/1/2017 đến 31/12/2017)
Tổng giá trị tài sản	59.988.673.946	27.351.335.300
Doanh thu thuần	167.911.042.947	130.267.253.496
Lợi nhuận từ HĐKD	3.553.209.900	4.626.045.536
Lợi nhuận khác	(588.500.467)	(813.879.270)
Lợi nhuận trước thuế	2.964.709.433	3.812.166.266
Lợi nhuận sau thuế	2.213.021.536	2.902.998.689

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016 – 13T (1/12/2015 đến 31/12/2016)	Năm 2017 (1/1/2017 đến 31/12/2017)
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn : TS ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn	1,07	1,51
+ Hệ số thanh toán nhanh : TS ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,13	1,09
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Tỷ số quản lý Nợ trên tài sản : Tổng Nợ/ Tổng TS	0,73	0,37

+ Tỷ số quản lý Nợ trên vốn chủ sở hữu : Tổng Nợ/ Vốn CSH		2,66	0,59
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho : <u>Doanh thu</u> Số dư HTK cuối kỳ		4,10	30,79
+ Vòng quay tổng Tài sản : Doanh Thu thuần/ Tổng TS bình quân		2,48	2,98
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Lợi nhuận biên từ HĐKD : LNST / Doanh thu		0,01	0,02
+ Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE): LNST / Vốn CSH		0,14	0,17
+ Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA): LNST / Tổng TS		0,04	0,1
+ Tỷ suất lợi nhuận thuần (ROS): LNST / Doanh thu thuần		0,01	0,02

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần tại thời điểm 31/12/2017

- Tổng số cổ phần đang lưu hành : 1.416.200 cổ phần
- Trong đó cổ phần phổ thông : 1.416.200 cổ phần
- Số cổ phần tự do chuyển nhượng : 781.000 cổ phần
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng : 635.200 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông

Theo danh sách cổ đông đã được Trung Tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt ngày 04/4/2017.

- Cơ cấu cổ đông:

STT	CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CĐ	SỐ CỔ PHẦN	GIÁ TRỊ (đồng)	Tỷ lệ (%)
-----	---------	----------------	---------------	----------------	-----------

1	Nhà nước	01	132.200	1.322.000.000	8,96
2	Trong Công ty	200	1.074.600	10.746.000.000	72,80
2.1	+ Pháp nhân	01	59.800	598.000.000	4,05
2.2	+ Thẻ nhân	199	1.014.800	10.148.000.000	68,75
3	Ngoài Công ty:	77	269.200	2.692.000.000	18,24
3.1	+ Pháp nhân	01	6.883	68.830.000	0,47
3.2	+ Thẻ nhân	76	262.317	2.623.170.000	17,77
	Tổng Cộng	278	1.476.000	14.760.000.000	100

- Cổ đông lớn (3% vốn điều lệ trở lên)

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CỔ PHẦN	GIÁ TRỊ (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Trọng Thắng	109.900	1.099.000.000	7,45
2	Nguyễn Lương Ích	87.100	871.000.000	5,9
3	Trần Thị Tình	87.100	871.000.000	5,9
4	Nguyễn Thị Hòa	67.800	678.000.000	4,59
5	Lê Xuân Sơn	67.300	673.000.000	4,56
6	Nguyễn Đào	46.100	461.000.000	3,12

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: *(Không có)*

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 59.800 cổ phiếu

e) Các chứng khoán khác: *(Không có)*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

a) Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm chính của công ty

- Nguyên vật liệu để sản xuất	: 855,56	tấn
- Vật tư bao bì: + Thùng carton	: 167.854	cái
+ PE các loại	: 34.489	kg
+ PA các loại	: 544.827	cái
+ PP các loại	: 86.938	cái
+ Dây niềng	: 3.686	kg

- Số lượng phụ phẩm thủy sản thu hồi sau chế biến bán ra thị trường: 301.951 kg

b) Tiêu thụ điện năng trong năm:

- Năng lượng điện sử dụng cho toàn bộ công ty	: 3.739.545	kw
- Năng lượng điện sử dụng cho kho lạnh	: 1.440.000	kw
- Năng lượng điện tiêu thụ trực tiếp phục vụ sản xuất	: 1.953.169	kw
- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: (Không có)		

c) Tiêu thụ nước:

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng trong năm:

- Nguồn cung cấp nước

Công ty đã sử dụng 2 nguồn nước phục vụ sản xuất: từ nguồn cung cấp của Công ty cấp thoát nước Khánh Hòa và nguồn nước dưới lòng đất tại Công ty.

• Lượng nước máy sử dụng	: 24.808 m ³
• Lượng nước dưới lòng đất sử dụng	: 8.845 m ³

- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: (không có)

d) Tuân thủ pháp luật và bảo vệ môi trường:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 01 lần do khi khai thác nước giếng dưới lòng đất để sử dụng chưa kịp khai báo cho Sở Tài Nguyên Môi Trường.
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 15.000.000 đồng.

e) Chính sách liên quan đến người lao động:

- Số lượng lao động bình quân : 293 người
- Mức thu nhập bình quân đối với người lao động : 6.427.000 đồng/ người/ tháng.
- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:
 - Khám sức khỏe định kỳ
 - Kiểm tra các thông số của môi trường lao động để kịp thời khắc phục nguy cơ mất an toàn lao động.
 - Huấn luyện an toàn và vệ sinh lao động đúng đối tượng theo quy định của pháp luật
 - Tổ chức ăn giữa ca bảo đảm chất lượng, số lượng để bảo đảm sức khỏe cho người lao động
 - Huấn luyện PCCC theo quy định
 - Cung cấp BHLĐ đầy đủ theo từng công việc của người lao động
 - Theo hiệu quả SXKD công ty chi thêm tiền vào các dịp lễ tết.

f) Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Công ty tham gia đóng góp cho các hoạt động ở địa phương, hỗ trợ tài chính với tổng số tiền: 52.500.000 đồng.

g) Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:
(không có)**III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC****1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	130.267.253.496
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	130.267.253.496
4. Giá vốn hàng bán	110.830.525.382

5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.436.728.114
6. Doanh thu hoạt động tài chính	318.877.469
7. Chi phí tài chính	1.542.734.557
8. Chi phí bán hàng	7.904.707.220
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.682.118.270
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.626.045.536
11. Thu nhập khác	28.130.569
12. Chi phí khác	842.009.839
13. Lợi nhuận khác	(813.879.270)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.812.166.266
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	909.167.577
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.902.998.689
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.026

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

(Theo số liệu trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán)

Đơn vị tính: triệu đồng

Tài sản	Ngày 31/12/2016		Ngày 31/12/2017	
	Số tiền	%	Số tiền	%
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	46.507,9	77,5	15.338,3	56
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	1.634,8	2,7	503,6	1,8

II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn				
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	3.064,7	5,1	10.557,6	38,6
IV. Hàng tồn kho	40.942,9	68,3	4.230,0	15,5
V. Tài sản ngắn hạn khác	865,5	1,4	47,1	0,1
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	13.480,8	22,5	12.013	44
I. Các khoản phải thu dài hạn	70,0	0,1	28	0,1
II. Tài sản cố định	10.374,8	17,3	11.504,1	42,1
III. Tài sản dở dang dài hạn	2.547,8	4,3		
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0		180	0,6
V. Tài sản dài hạn khác	488,2	0,8	300,9	1,1
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	59.988,7	100	27.351,3	100

Do số liệu 2 năm 2016 và 2017 lấy khoản thời gian không đồng nhất, năm 2016 số liệu từ 1/12/2015 đến 31/12/2016 tổng là 13 tháng; năm 2017 số liệu từ 1/1/2017 đến 31/12/2017; nên không lập cột so sánh sự tăng giảm qua 2 năm.

Tổng giá trị tài sản tại ngày 31/12/2017 là 27,3 tỷ đồng, trong đó hàng tồn kho 4,2 tỷ đồng chiếm 15,5 % giá trị tài sản; hàng tồn kho cuối năm 2017 không có nhiều để dự trữ so với các năm trước, do nguồn nguyên liệu trong năm 2017 thiếu hụt nghiêm trọng.

b) Tình hình nợ phải trả:

Đơn vị tính: triệu đồng

Nguồn Vốn	Ngày 31/12/2016		Ngày 31/12/2017	
	Số tiền	%	Số tiền	%

A. Nợ phải trả	43.596,3	72,7	10.154,7	37,1
I. Nợ ngắn hạn	43.596,3	72,7	10.154,7	37,1
II. Nợ dài hạn	-		0	
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	16.392,4	27,3	17.196,6	62,9
I. Vốn chủ sở hữu	16.392,4	27,3	17.196,6	62,9
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	-		0	
Tổng cộng nguồn vốn	59.988,7	100	27.351,3	100

Tổng số nợ của Công ty tại ngày 31/12/2017 là 10,1 tỷ đồng là nợ ngắn hạn và chiếm đến 37,1% trong tổng nguồn vốn của Công ty.

Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn: 1.51 lần; công ty có khả năng thanh toán nhanh các món nợ.

Khả năng thanh toán nhanh: 1,09 lần; công ty có khả năng thanh toán nhanh do bán nhanh HTK để thanh toán nợ.

Trong năm 2017 công ty thực hiện thanh toán các khoản nợ đúng hạn, khả năng thanh toán nợ ở mức cao, không có nợ xấu phải trả.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:

- Nguyên liệu: trực tiếp mua của người sản xuất để bảo đảm chất lượng, dự trữ nhiều nhất khi có điều kiện và đã được cân nhắc cẩn trọng để hạn chế rủi ro, tìm hiểu thêm nguồn nguyên liệu để bổ sung, phát triển sản phẩm mới.
- Bảo đảm công việc ổn định cho số lao động hiện có để họ tiếp tục gắn bó với công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Nắm rõ những biến động thực tế, dự báo những thay đổi kịp thời để có biện pháp thích ứng với tình hình thiếu hụt nguyên liệu, thay đổi của thị trường để hạn chế thấp nhất rủi ro, cụ thể:
 - Giữ vững thị trường, khách hàng cũ, tìm thêm thị trường mới, mặt hàng mới, khách hàng mới

- Tìm thêm nguồn nguyên liệu cho mặt hàng truyền thống, cho mặt hàng mới
- Tiêu thụ tốt hàng tồn kho
- Điều chỉnh việc tổ chức sản xuất hiệu quả hơn, bảo đảm tiền lương hợp lý tạo sự ổn định trong thu nhập cho người lao động
- Đầu tư một số hạng mục để sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất cho sản xuất
- Châm dứt xây dựng nhà máy mới vì không đủ nguồn lực, lập phương án tái cơ cấu, thu hẹp sản xuất để hoạt động của công ty có hiệu quả.
- Khắc phục khó khăn, tập thể đội ngũ quản lý và người lao động quyết tâm vượt khó, phấn đấu hoàn thành kế hoạch đề ra.
- Mua lại cổ phiếu ưu đãi cam kết làm việc lâu dài của người lao động nghỉ việc trước thời hạn cam kết.

5. Giải trình của Ban giám đốc với ý kiến kiểm toán: (không có)

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

- Tiêu thụ nước: công ty kiểm soát định mức nước sản xuất để bảo đảm tiết kiệm nhất chi phí sử dụng nước và hạn chế xả ra môi trường và xã hội.
- Tiêu thụ điện: là một chi phí được kiểm soát để sản xuất có hiệu quả.
- Phát thải: công ty thực hiện tốt quy định lưu giữ bảo quản và thuê xử lý chất thải nguy hại đúng quy định (chủ yếu là nhớt thải, bóng đèn, giẻ lau máy,...)

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề lao động:

Công ty nghiêm túc đóng BHXH, BHTN, BHYT cho người lao động theo quy định để họ luôn gắn bó, yên tâm làm việc

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của Doanh Nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Công ty luôn tuân thủ các chính sách, quy định của pháp luật tại địa phương; tham gia đầy đủ các hoạt động khi được yêu cầu; đóng góp cho các chương trình phúc lợi theo vận động của địa phương, các đoàn thể.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty

- Công ty hoạt động theo quy định của pháp luật và điều lệ của công ty
- HĐQT đã phối hợp tốt với ban điều hành vượt khó khăn trong năm 2017, vẫn bảo đảm công việc và thu nhập cho người lao động

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành

- Ban điều hành làm đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, xin ý kiến chỉ đạo kịp thời và hoàn thành mục tiêu HĐQT đề ra
- Khi chuyển đổi sang công ty cổ phần, Ban điều hành đã tích cực nắm bắt các quy định để điều hành, xử lý kịp những phát sinh, đáp ứng các yêu cầu trong SXKD, ổn định được việc làm, thu nhập và có hiệu quả.
- Ban điều hành đã linh hoạt huy động tài sản bảo đảm từ bên ngoài thế chấp ngân hàng để vay vốn lưu động, đáp ứng được nhu cầu tăng lên trong mùa vụ sản xuất chính.

3. Các kế hoạch định hướng của HĐQT

- Tích cực ổn định thị trường tiêu thụ, giữ vững sản xuất, tìm nguồn nguyên liệu mới, mặt hàng mới, khách hàng mới.
- Chấm dứt xây dựng nhà máy mới vì không đủ nguồn lực, lập phương án tái cơ cấu, thu hẹp sản xuất, bảo đảm công ty hoạt động có hiệu quả.
- Tìm thị trường để có thêm mặt hàng mới, tích lũy được nguồn lực để có vốn SXKD mà không phải huy động thêm tài sản bảo đảm từ bên ngoài.
- Đề xuất đại hội đồng cổ đông mua lại cổ phần ưu đãi của người lao động cam kết làm việc theo quy định của Nghị định 59/2011 ở mức lớn hơn 10% Vốn điều lệ đối tổng số cổ phần phát hành.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến của kiểm toán:

(Được trích từ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ Phần Xuất Khẩu Thủy Sản Khánh Hòa)

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất khẩu Thủy sản Khánh Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

(Có báo cáo tài chính đã được kiểm toán kèm theo Báo cáo này và đăng tại website:
www.khaspexco.vn)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU THỦY SẢN KHÁNH HÒA
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN TRỌNG THẮNG